

Bản án số: 295/2022/HS-ST  
Ngày 23-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liêng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Lực.

2. Ông Lê Phú Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 261/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Hoàng P, sinh năm 1999 tại tỉnh An Giang; thường trú: Thôn H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Đi biển; trình độ học vấn: Lớp 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trần O (đã chết) và bà Hồ Thị H (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; có 01 em (không rõ năm sinh); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 19/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Anh Lê Gia H, sinh năm 2002; thường trú: Số 6B/13, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969; thường trú: Số 6/11A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2/ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996; thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Số 169/21, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hoàng P và Lê Gia H là bạn bè ở cùng phòng trọ với nhau tại số 6B/13 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 29/4/2021, Trần Hoàng P dậy sớm chuẩn bị đi làm thì thấy anh H để 01 cái ví trên bàn cạnh cầu thang lên gác, P mở ra bên trong có giấy chứng minh nhân dân và đăng ký xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 76H1-417.97 mang tên anh H mục đích để chiếm đoạt xe của anh H. Trần Hoàng P lấy chứng minh nhân dân và đăng ký xe mô tô giấu vào trong người. Sau đó, P hỏi mượn xe mô tô biển số 76H1-417.97 của anh H đi làm. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Trần Hoàng P điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 76H1-417.97 đến tiệm cầm đồ N ở 6/11A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương do anh Nguyễn Ngọc T làm chủ. Tại đây, P đưa giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe mô tô đều mang tên Lê Gia H cho anh T coi để cầm cố xe với giá 12.000.000đ, anh T thấy giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe mô tô chính chủ nên đồng ý cầm, thời hạn là 15 ngày nếu không đóng lãi sẽ bị thanh lý tài sản và P đã mạo danh ký tên Lê Gia H vào hợp đồng. Sau khi cầm cố xe, P nhờ anh T chở đến khu vực rạp hát Dĩ An trên đường N, khu phố B, phường D, thành phố D. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/4/2021, P đi bộ về nhà trọ gặp anh H, P nói xe mô tô bị Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bắt, anh H hỏi biên bản thì P nói không ký biên bản, sau đó P nói xe bị mất và hứa sẽ bồi thường xe cho anh H. Do không có xe đi làm nên anh H mua xe mô tô trả góp mỗi tháng 2.000.000đ, P hứa mỗi tháng sẽ đưa cho anh H 2.000.000đ. Tuy nhiên đến ngày 18/5/2021 P dọn đồ rời khỏi nhà trọ và nói với anh H đi xuống Vũng Tàu kiếm việc làm để trả tiền xe cho anh H. Sau đó P không đưa tiền cho anh H và cắt đứt mọi liên lạc với anh H.

Ngày 04/6/2021, anh Nguyễn Văn T1 đến tiệm cầm đồ N gặp anh T tìm mua xe đã qua sử dụng và đồng ý mua xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 76H1-417.97 với giá 14.500.000đ. Ngày 16/6/2021 anh T1 điều khiển xe mô tô trên đi giao hàng tại đường M, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, anh H thấy chiếc xe của mình bị mất nên lại hỏi và nói cho anh T1 biết chiếc xe này là của anh H cho bạn mượn bị mất. Anh T1 cho anh H biết đã mua chiếc xe mô tô này tại tiệm cầm đồ N với giá 14.500.000đ. Ngày 17/6/2021, sau khi đến tiệm cầm đồ N hỏi sự việc, anh H lên Công an phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương trình báo sự việc. Tại Công an phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương anh T đồng ý trả lại số tiền 14.500.000đ cho anh T1 và giao nộp xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 76H1-417.97 cho Công an phường để tiếp tục điều tra. Ngày 19/6/2022, Trần Hoàng P bị Công an huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bắt theo quyết định truy nã.

Kết luận định giá tài sản số 116/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D: Xe mô tô biển số 76H1-417.97, số khung 038626, số máy 119995 có trị giá là 15.000.000đ.

Tài sản bị chiếm đoạt là: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Siriut biển số 76H1-417.97, số khung RLCUE3740LY038626, số máy E32VE1199995. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại xe cho anh Lê Gia H (BL157).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Ngọc T chủ tiệm cầm đồ N yêu cầu Trần Hoàng P phải bồi thường số tiền 12.000.000đ.

Tại Cáo trạng số 297/CT-VKS-DA ngày 31 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố Trần Hoàng P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án tù 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Hoàng P có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 12.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, trong phần nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại không có ý kiến yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Ngọc T1 đã có lời khai tại cơ quan điều tra và không có yêu cầu gì. Do đó, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Ngày 29/4/2021, Trần Hoàng P lấy chứng minh nhân dân, chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Yamaha biển số 76H1-417.97

của anh Lê Gia H giấu trong người rồi giả vờ mượn xe của anh H để đi làm. Sau khi được anh H giao xe, bị cáo điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Ngọc Quý để cầm cố cho anh Nguyễn Ngọc T lấy số tiền 12.000.000đ. Hành vi của bị cáo Trần Hoàng P đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 297/CT-VKS-DA ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về ý thức chủ quan, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi bị cáo đã cố tình thực hiện. Với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng trong việc điều tra nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét.

[7] Trách nhiệm dân sự: Anh Lê Gia H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét. Anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu bị cáo Lê Gia H phải bồi thường số tiền 12.000.000đ, xét yêu cầu của anh T là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, do đó chấp nhận yêu cầu của anh T buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 12.000.000đ.

[8] Đối với anh Nguyễn Ngọc T mua xe của bị cáo nhưng không biết đó là xe do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An không đề nghị xử lý là đúng quy định.

[9] Mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị là nghiêm khắc, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ chết sớm bị cáo phải sống cùng ông bà nội, thiếu sự chăm sóc dạy dỗ từ cha mẹ. Do đó để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn đề nghị cũng không làm ảnh hưởng đến việc

đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, về trách nhiệm dân sự như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng P phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng P 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2022.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 468, 584, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 19/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Trần Hoàng P có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Hoàng P phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự bồi thường.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo (01);
- VKSND thành phố D (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Công an thành phố D (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS thành phố D (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV06 CA tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (03);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**Đỗ Thị Liễu**









